

UBND THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
HỘI ĐỒNG TĐ-YÊN CHỨC



KẾT QUẢ KỶ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ ĐIỆN BÀN NĂM 2021
(Kèm theo Thông báo số 578 /TB-HĐTĐVC ngày 27 /12/2021 của Hội đồng tuyển dụng viên chức thị xã)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
1	0483	Đặng Thị Bích Ngọc	4/13/1997	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	98			98	Đạt
2	0491	Hồ Thị Suong	17/11/1997	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	98			98	Đạt
3	0499	Trần Thị Mỹ Thoa	30/9/1998	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	98			98	Đạt
4	0508	Nguyễn Phan Thụy Tư	24/6/1999	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	97			97	Đạt
5	0521	Đinh Thị Kim Ly	25/5/1995	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	97			97	Đạt
6	0495	Huỳnh Thị Thu Thảo	01/5/1998	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	95			95	Đạt
7	0496	Tăng Thị Bích Thảo	05/11/1995	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	94			94	Đạt
8	0511	Nguyễn Thị Phương Vi	19/6/1995	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	94			94	Đạt
9	0457	Phan Thị Vân Anh	02/5/1995	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	93			93	Đạt
10	0469	Nguyễn Thị Kim Giản	4/1/1993	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	82			82	Không đạt
11	0470	Lê Thị Kiên Giang	30/3/1989	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	80			80	Không đạt
12	0473	Huỳnh Thị Thu Hiền	11/01/1996	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	80			80	Không đạt
13	0460	Nguyễn Thị Công	02/01/1993	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	77			77	Không đạt
14	0485	Đoàn Thị Nhung	13/01/1994	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	76			76	Không đạt
15	0492	Nguyễn Thị Thanh Tâm	17/8/1995	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	73			73	Không đạt
16	0500	Cù Thị Thu	09/02/1998	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	73			73	Không đạt
17	0472	Phan Thị Thu Hiền	10/5/1997	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	72			72	Không đạt
18	0474	Phan Thị Hồng	15/02/1989	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	71			71	Không đạt
19	0510	Trương Thị Diễm Vi	08/5/1992	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	71			71	Không đạt
20	0516	Trần Thị Lệ Xuân	18/8/1995	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	71			71	Không đạt
21	0468	Nguyễn Thị Hồng Duyên	27/4/1994	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	70			70	Không đạt
22	0487	Nguyễn Thị Phương	14/10/1997	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	70			70	Không đạt

SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
0490	Đình Thị Thu Sương	18/12/1994	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	70			70	Không đạt
0465	Trương Thị Dung	22/6/1999	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	68			68	Không đạt
0471	Phạm Thị Hiền	12/01/1994	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	68			68	Không đạt
0494	Phan Thị Thảo	21/3/1994	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	68			68	Không đạt
0514	Nguyễn Thị Vy	08/4/1998	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	68			68	Không đạt
0505	Võ Phạm Huyền Trang	10/01/1999	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	67			67	Không đạt
0476	Thiều Dạ Hợp	30/8/1997	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	65			65	Không đạt
0518	Nguyễn Thị Thanh Phương	01/4/1999	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	65			65	Không đạt
0456	Nguyễn Thị Hồng Ân	25/6/1998	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	63			63	Không đạt
0479	Phan Thị Mai Linh	14/10/1994	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	63			63	Không đạt
0513	Huỳnh Nữ Thanh Viên	22/11/1999	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	63			63	Không đạt
0481	Nguyễn Thị Trúc Linh	23/3/1996	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	62			62	Không đạt
0482	Lê Thị Tuyết Ngân	24/10/1998	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	62			62	Không đạt
0519	Trần Thị Thu Nhi	20/10/1994	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	62			62	Không đạt
0475	Nguyễn Thị Thu Hồng	09/10/1995	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	61			61	Không đạt
0506	Đình Thị Ngọc Trinh	22/3/1995	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	61			61	Không đạt
0509	Nguyễn Đặng Thúy Vân	22/10/1998	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	61			61	Không đạt
0462	Hà Thị Diễm	24/5/1996	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	60			60	Không đạt
0493	Trần Thị Tân	19/8/1992	Hà Tĩnh	Giáo viên Mầm non	60			60	Không đạt
0504	Bùi Thị Anh Trang	03/10/1992	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	60			60	Không đạt
0507	Võ Thị Trinh	07/02/1998	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	60			60	Không đạt
0497	ALăng Thị Thảo	12/11/1995	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	54		5	59	Không đạt
0464	Bùi Phương Dung	07/4/1998	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	58			58	Không đạt
0523	Phạm Thị Thúy Nga	13/9/1995	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	58			58	Không đạt
0520	Đình Thị Bích Vân	11/10/1991	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	57			57	Không đạt
0484	Triệu Thảo Nguyên	05/3/1996	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	55			55	Không đạt
0517	Trần Thị Kim Yên	13/6/1996	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	55			55	Không đạt
0522	Huỳnh Thị Thùy Dung	28/10/1996	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	55			55	Không đạt
0477	Trần Thị Lan	29/11/1995	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	52			52	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phức khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
52	0466	Phan Thị Duyên	05/01/1994	Quảng Bình	Giáo viên Mầm non	50			50	Không đạt
53	0480	Nguyễn Thị Yến Linh	18/11/1998	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	50			50	Không đạt
54	0486	Phan Thị Thanh Phương	08/5/1994	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	50			50	Không đạt
55	0488	Đoàn Thị Y Phương	22/02/1994	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	50			50	Không đạt
56	0501	Trần Thị Thanh Thúy	19/11/1996	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	50			50	Không đạt
57	0515	Nguyễn Thị Tường Vy	23/4/1994	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	50			50	Không đạt
58	0502	Nguyễn Thị Thanh Tinh	05/5/1998	Quảng Nam	Giáo viên Mầm non	30			30	Không đạt
59	0107	Nguyễn Thị Hiền	10/9/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	94			94	Đạt
60	0105	Hồ Thị Hạt	19/8/1995	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	90			90	Đạt
61	0153	Trịnh Nguyễn Như Quỳnh	28/9/1998	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	90			90	Đạt
62	0100	Hồ Thị Thùy Dương	21/4/1999	Quảng Ngãi	Giáo viên Tiểu học	84			84	Đạt
63	0131	Bạch Thị Mai	22/01/1998	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	84			84	Đạt
64	0092	Thân Thị Diễm	26/3/1998	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	83			83	Đạt
65	0094	ALăng Thị Diệu	03/12/1998	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	78		5	83	Đạt
66	0122	Bhnuóch Thị Hương Lan	10/9/1997	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	78			83	Đạt
67	0118	Hồ Thị Huyền	02/3/1993	Hà Tĩnh	Giáo viên Tiểu học	82			82	Đạt
68	0102	Phạm Thị Hà	20/01/1994	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	81			81	Đạt
69	0117	Đào Thị Quỳnh Hương	20/11/1996	Quảng Trị	Giáo viên Tiểu học	81			81	Đạt
70	0121	Trần Thị Phong Lan	26/11/1998	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	81			81	Đạt
71	0176	Tô Thị Thanh Yến	24/4/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	81			81	Đạt
72	0085	Lê Thị Vân Anh	03/6/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	80			80	Đạt
73	0088	Zơ Râm Chiến	19/5/1992	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	75		5	80	Đạt
74	0137	Trần Thị Như Mỹ	02/01/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	80			80	Đạt
75	0146	Hà Thị Thúy Oanh	25/02/1997	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	80			80	Đạt
76	0175	Đặng Thị Như Ý	29/9/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	80			80	Đạt
77	0141	Huỳnh Thị Nghiệp	20/12/1996	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	79			79	Đạt
78	0156	Trần Thị Thắm	06/01/1998	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	79			79	Đạt
79	0093	Võ Thị Diễm	10/5/1995	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	78			78	Đạt
80	0106	Lê Thị Hiền	16/02/1997	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	78			78	Đạt

T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
	0115	Đoàn Thị Hợp	10/3/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	78			78	Đạt
2	0113	Phan Thị Hoa	02/11/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	77			77	Đạt
3	0116	Võ Sỹ Hùng	09/6/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	77			77	Đạt
4	0159	Phạm Trường Thịnh	13/8/1995	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	77			77	Đạt
5	0168	Lưu Thị Thu Trang	14/12/1995	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	77			77	Đạt
6	0171	Lê Nhị Trinh	01/10/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	77			77	Đạt
7	0164	Nguyễn Thị Tú Trà	26/4/1995	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	76			76	Đạt
8	0104	Nguyễn Hồ Hạnh	20/01/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	75			75	Đạt
9	0108	Hồ Thị Thu Hiền	16/8/1997	Bình Định	Giáo viên Tiểu học	75			75	Đạt
0	0114	Hồ Thị Hồng	14/9/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	70		5	75	Đạt
1	0151	Đỗ Thị Hoàng Phượng	30/6/1994	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	75			75	Đạt
2	0160	Phạm Thị Anh Thư	25/02/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	75			75	Đạt
3	0163	Trần Thị Anh Tới	29/9/1997	Bình Định	Giáo viên Tiểu học	75			75	Đạt
4	0174	Hồ Thị Xuyên	02/9/1998	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	75			75	Đạt
5	0109	Lê Thị Hiền	11/3/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	74			74	Đạt
6	0111	Nguyễn Thị Hiếu	25/3/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	74			74	Đạt
7	0124	Lê Thị Bích Liên	05/6/1997	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	74			74	Đạt
8	0140	Nguyễn Bảo Ngân	09/3/1996	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	74			74	Đạt
9	0150	Hoàng Thị Bích Phương	09/5/1996	Thừa Thiên Huế	Giáo viên Tiểu học	74			74	Đạt
0	0167	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/01/1994	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	74			74	Đạt
1	0152	Võ Nguyễn Thục Quyên	25/3/1998	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	73			73	Đạt
2	0101	Phạm Thị Mỹ Duyên	16/3/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	72			72	Đạt
3	0125	Nguyễn Thị Mai Linh	21/4/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	72			72	Đạt
4	0130	Trương Thị Huyền Mai	12/7/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	72			72	Đạt
5	0154	Trần Thị Sương	23/12/1992	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	71			71	Đạt
6	0084	Đinh Thị Kim Anh	08/5/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	70			70	Đạt
7	0162	Nguyễn Thị Như Thủy	02/11/1997	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	70			70	Đạt
8	0169	Võ Thị Triều	02/02/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	70			70	Đạt
9	0123	Châu Thị Lệ Lành	17/7/1985	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	68			68	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
110	0138	Nguyễn Na	01/5/1997	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	68			68	Đạt
111	0145	Võ Thị Kim Nhung	20/6/1991	Quảng Bình	Giáo viên Tiểu học	68			68	Đạt
112	0099	Phạm Thị Dung	16/01/1995	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	67			67	Đạt
113	0129	Pho Loong Lý	18/7/1994	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	62		5	67	Đạt
114	0103	Trà Hải Lê	16/10/1997	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	65			65	Đạt
115	0144	Châu Thị Nhi	04/6/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	65			65	Đạt
116	0147	Nguyễn Thị Kim Pha	19/6/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	65			65	Đạt
117	0148	Trần Mai Thanh Phụng	26/5/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	65			65	Đạt
118	0158	Trần Thị Thêm	11/7/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	65			65	Đạt
119	0155	A Viết Thị Tâm	04/9/1993	Thừa Thiên Huế	Giáo viên Tiểu học	58		5	63	Đạt
120	0128	Nguyễn Thị Mỹ Linh	20/3/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	62			62	Đạt
121	0149	Chu Thanh Phương	27/8/1998	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	62			62	Đạt
122	0098	Phạm Kim Dung	26/02/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	60			60	Đạt
123	0143	Dương Thị Yên Nhi	01/01/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	60			60	Đạt
124	0157	Trần Thị Thảo	08/02/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	60			60	Đạt
125	0172	Nguyễn Hà Uyên	08/9/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	60			60	Đạt
126	0173	Đoàn Thị Uyên	12/8/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	60			60	Đạt
127	0086	Nguyễn Thị Cam	20/01/1991	Quảng Trị	Giáo viên Tiểu học	58			58	Đạt
128	0142	Lê Thị Minh Nguyệt	20/02/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	57			57	Đạt
129	0089	Trần Công Đại	24/7/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	55			55	Đạt
130	0132	Ngô Thị Trà My	01/7/1996	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	55			55	Đạt
131	0127	Lê Diệu Linh	26/6/1999	Thanh Hóa	Giáo viên Tiểu học	54			54	Đạt
132	0135	Nguyễn Thị Trà My	18/3/1998	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	54			54	Đạt
133	0165	Lê Thị Mỹ Trang	14/7/1997	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	53			53	Đạt
134	0112	Đỗ Thị Hiếu	29/10/1999	Quảng Nam	Giáo viên Tiểu học	51			51	Đạt
135	0180	Nguyễn Thị Hiếu	09/8/1999	Quảng Nam	GV THCS - Địa lí	83			83	Đạt
136	0186	Trịnh Thị Phương	04/4/1994	Quảng Nam	GV THCS - Địa lí	73.5			73.5	Không đạt
137	0182	Nguyễn Hoàng Long	05/4/1995	Quảng Nam	GV THCS - Địa lí	72			72	Không đạt
138	0194	Phạm Thị Thùy Trao	24/7/1994	Thừa Thiên Huế	GV THCS - Địa lí	71.5	72		72	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
9	0197	Hồ Thị Hoàng Tú	24/7/1994	Quảng Nam	GV THCS - Địa lí	67.8			67.8	Không đạt
10	0181	Phan Thị Kim Hoanh	18/8/1994	Quảng Nam	GV THCS - Địa lí	62			62	Không đạt
11	0183	Nguyễn Thị Mận	08/5/1997	Quảng Nam	GV THCS - Địa lí	61.3			61.3	Không đạt
12	0184	Lê Hà Quỳnh Như	07/6/1983	Quảng Nam	GV THCS - Địa lí	56.3			56.3	Không đạt
13	0192	Phạm Thị Tú Trinh	03/11/1999	Quảng Nam	GV THCS - Địa lí	54.5			54.5	Không đạt
14	0190	Đặng Thị Thanh	20/10/1993	Nghệ An	GV THCS - Địa lí	51.3			51.3	Không đạt
15	0196	Nguyễn Thị Thanh Thủy	21/02/1991	Quảng Nam	GV THCS - Địa lí	49			49	Không đạt
16	0189	Võ Đức Tân	26/3/1996	Quảng Nam	GV THCS - Địa lí	42			42	Không đạt
17	0200	Phơ Long Đô	20/10/1996	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	67.5		5	72.5	Đạt
18	0204	Nguyễn Thị Hòa	18/02/1995	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	71			71	Đạt
19	0217	Huỳnh Thị Quyên	13/8/1995	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	59.5			59.5	Không đạt
20	0208	Phạm Trần Huy Khang	01/9/1997	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	59			59	Không đạt
21	0202	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	04/12/1997	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	57.5			57.5	Không đạt
22	0215	Trần Thị Phúc	23/02/1996	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	55			55	Không đạt
23	0226	Phạm Thị Hà Thương	01/7/1996	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	53.5			53.5	Không đạt
24	0212	ZoRâm Thị Nghim	19/8/1999	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	48		5	53	Không đạt
25	0201	A Rất Dương	22/10/1996	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	47.5	47.25	5	52.25	Không đạt
26	0219	Nguyễn Thị Thúy Quyên	26/4/1998	Đà Nẵng	GV THCS - Lịch sử	52.5			52.5	Không đạt
27	0216	Nguyễn Thị Phương	28/11/1990	Hà Tĩnh	GV THCS - Lịch sử	50.5			50.5	Không đạt
28	0225	Dương Đức Thông	10/8/1992	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	44		5	49	Không đạt
29	0228	Đặng Thị Tuyết	08/8/1996	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	46.5			46.5	Không đạt
30	0227	Nguyễn Thị Thúy	20/11/1996	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	45			45	Không đạt
31	0214	Nguyễn Thị Ý Nhi	11/10/1995	Hà Bắc	GV THCS - Lịch sử	36.5		5	41.5	Không đạt
32	0205	Nguyễn Thị Thu Hồng	01/7/1987	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	38			38	Không đạt
33	0218	Vũ Thị Quyên	10/3/1993	Hải Phòng	GV THCS - Lịch sử	37.5			37.5	Không đạt
34	0222	Nguyễn Thị Thu Sương	15/11/1997	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	37			37	Không đạt
35	0203	Võ Thị Hạ	25/3/1999	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	36.5			36.5	Không đạt
36	0206	Nguyễn Thị Quỳnh Hợp	09/12/1996	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	32.5			32.5	Không đạt
37	0224	Phạm Thị Bảo Tâm	30/6/1998	Đà Nẵng	GV THCS - Lịch sử	32.5			32.5	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>11</i>
168	0229	Nguyễn Thị Hải Yến	20/01/1993	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	30.5			30.5	Không đạt
169	0211	Zơ Râm Nghi	30/12/1999	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	24.5		5	29.5	Không đạt
170	0223	Đặng Thị Hồng Suong	30/4/1995	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	27			27	Không đạt
171	0230	Trần Thị Thúy Hằng	15/5/1987	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	24.5			24.5	Không đạt
172	0220	Trần Thị Như Quỳnh	01/01/1996	Quảng Nam	GV THCS - Lịch sử	22			22	Không đạt
173	0231	Dương Nữ Tường Huyền	23/4/1992	Quảng Nam	GV THCS - Mỹ thuật	85			85	Đạt
174	0232	Nguyễn Thị Lệ Huyền	28/10/1994	Quảng Nam	GV THCS - Mỹ thuật	55			55	Đạt
175	0234	Lê Trí Đạo	03/7/1995	Quảng Nam	GV THCS - TDTC	92			92	Đạt
176	0238	Bùi Xuân Dương	19/4/1997	Quảng Nam	GV THCS - TDTC	87			87	Đạt
177	0235	Võ Hồng Lê	01/6/1985	Quảng Nam	GV THCS - TDTC	85			85	Không đạt
178	0237	Trần Cảnh Pi Đô	17/5/1996	Quảng Nam	GV THCS - TDTC	80			80	Không đạt
179	0240	Nguyễn Phước Mẫn	07/8/1996	Quảng Nam	GV THCS - TDTC	63		5	68	Không đạt
180	0241	Đinh Phú Pháp	26/7/1991	Quảng Nam	GV THCS - TDTC	66			66	Không đạt
181	0243	Đặng Thái Việt	23/10/1995	Quảng Nam	GV THCS - TDTC	66			66	Không đạt
182	0236	Nguyễn Đình Cam	22/5/1986	Quảng Nam	GV THCS - TDTC	63			63	Không đạt
183	0239	Nguyễn Huy Hoàng	10/6/1994	Quảng Nam	GV THCS - TDTC	50			50	Không đạt
184	0242	Lê Đình Thiện	01/01/1996	Quảng Nam	GV THCS - TDTC	31			31	Không đạt
185	0573	Võ Thị Thu Ngân	11/4/1993	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	78			78	Không đạt
186	0555	Hà Thị Lệ Thanh	14/6/1999	Quảng Trị	GV THCS - Tiếng Anh	76			76	Đạt
187	0594	Huỳnh Thị Vy	05/8/1990	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	76			76	Không đạt
188	0586	Nguyễn Thị Kiều Diễm	02/8/1992	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	75			75	Không đạt
189	0566	Tô Nguyễn Khánh Hòa	20/7/1990	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	74			74	Không đạt
190	0591	Thiều Thị Minh Thảo	27/4/1994	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	74			74	Không đạt
191	0546	Nguyễn Thị Ngân Giang	18/3/1992	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	73			73	Đạt
192	0563	Võ Thị Hằng	06/8/1989	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	68		5	73	Không đạt
193	0574	Hồ Thị Mỹ Nhung	10/3/1990	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	70			70	Không đạt
194	0590	Nguyễn Thị Thu Thanh	20/3/1990	Đà Nẵng	GV THCS - Tiếng Anh	70			70	Không đạt
195	0552	Trần Thị Thanh Nga	05/12/1996	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	68			68	Không đạt
196	0557	Nguyễn Thị Trinh	27/8/1992	Đắk Lắk	GV THCS - Tiếng Anh	68			68	Đạt

T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phức khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
7	0559	Nguyễn Hoàng Ngọc Diệp	04/9/1993	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	68			68	Không đạt
8	0562	Nguyễn Thị Hà	21/9/1989	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	67			67	Không đạt
9	0568	Nguyễn Vĩ La	12/10/1989	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	67			67	Không đạt
0	0585	Nguyễn Thị Kiều Diễm	14/5/1992	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	67			67	Không đạt
1	0587	Nguyễn Thị Huyền	29/5/1993	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	67			67	Không đạt
2	0593	Nguyễn Thị Thùy Trinh	26/02/1987	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	67			67	Không đạt
3	0554	Lê Yến Sương	21/8/1995	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	66			66	Không đạt
4	0560	Ngô Thị Anh Cúc	01/01/1992	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	66			66	Không đạt
5	0571	Nguyễn Thị Mai	10/5/1988	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	66			66	Không đạt
6	0581	Huỳnh Thảo Uyên	09/8/1991	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	66			66	Không đạt
7	0578	Phạm Thị Phương Thanh	14/5/1988	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	65			65	Không đạt
8	0553	Đặng Thị Hồng Nhung	05/9/1996	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	63			63	Không đạt
9	0548	Ngô Thị Hồng Hạnh	25/11/1997	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	62			62	Không đạt
0	0589	Trần Thị Hồng Nhung	10/9/1992	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	62			62	Không đạt
1	0558	Trần Thị Huỳnh Ánh Tuyết	05/3/1993	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	60	61		61	Không đạt
2	0588	Nguyễn Thị Nguyễn	02/10/1993	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	57			57	Không đạt
3	0592	Phạm Thị Ngọc Thúy	21/4/1992	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	51		5	56	Không đạt
4	0549	Huỳnh Hạnh Hoa	18/4/1998	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	50			50	Không đạt
5	0569	Bùi Thị Kim Liên	18/10/1989	Hà Tĩnh	GV THCS - Tiếng Anh	50			50	Không đạt
6	0572	Phan Thị Hồng Mai	10/12/1984	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	50			50	Không đạt
7	0575	Phan Thị Minh Phương	28/02/1985	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	50			50	Không đạt
8	0583	Nguyễn Thị Vui	15/9/1994	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	46			46	Không đạt
9	0567	Trần Thị Hoa	08/11/1992	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	45			45	Không đạt
0	0576	Nguyễn Thị Tài	06/9/1988	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	45			45	Không đạt
1	0580	Phạm Thị Tiếp	06/7/1987	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	45			45	Không đạt
2	0550	Trần Vũ Liễu	01/01/1994	Quảng Nam	GV THCS - Tiếng Anh	40			40	Không đạt
3	0349	Nguyễn Thị Nhựt	12/02/1993	Quảng Nam	GV THCS - Toán	91			91	Đạt
4	0300	Huỳnh Ngọc Huy	19/01/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	88			88	Đạt
5	0306	Tô Thị Diễm Kiều	06/10/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	88			88	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
226	0260	Dương Ngọc Công	02/8/1988	Quảng Nam	GV THCS - Toán	86			86	Đạt
227	0313	Trần Thị Cẩm Lệ	30/10/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	82			82	Không đạt
228	0301	Nguyễn Phan Vỹ Huyền	18/01/1999	Quảng Nam	GV THCS - Toán	81			81	Không đạt
229	0257	Lê Thị Diễm Chi	05/02/1994	Quảng Nam	GV THCS - Toán	80			80	Không đạt
230	0399	Tưởng Minh Toàn	10/11/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	80			80	Không đạt
231	0307	Nguyễn Thị Thanh Kiều	27/9/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	79			79	Không đạt
232	0388	Nguyễn Thị Thôi	04/3/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	79			79	Không đạt
233	0453	Nguyễn Thị Mỹ Hương	23/10/1990	Quảng Nam	GV THCS - Toán	79			79	Không đạt
234	0350	Lê Thị Tuyết Ni	20/9/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	78			78	Không đạt
235	0262	Nguyễn Đình Đă	20/9/1992	Quảng Nam	GV THCS - Toán	72		5	77	Không đạt
236	0364	Huyền Phú Quốc	15/7/1993	Quảng Nam	GV THCS - Toán	77			77	Không đạt
237	0317	Trần Tuấn Linh	02/5/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	76			76	Không đạt
238	0321	Lê Phạm Văn Lương	15/12/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	76			76	Không đạt
239	0353	Phạm Thị Ny	26/9/1993	Quảng Nam	GV THCS - Toán	76			76	Không đạt
240	0439	Trần Thị Yến	19/9/1994	Quảng Nam	GV THCS - Toán	76			76	Không đạt
241	0296	Đinh Phú Hoàng	05/3/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	75			75	Không đạt
242	0305	Trần Thị Khánh	14/12/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	75			75	Không đạt
243	0328	Thân Thị Diệu Mỹ	27/01/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	75			75	Không đạt
244	0397	Nguyễn Thị Thanh Tiên	15/01/1994	Quảng Nam	GV THCS - Toán	75			75	Không đạt
245	0447	Lê Thị Thanh Tâm	12/01/1992	Quảng Nam	GV THCS - Toán	74			74	Không đạt
246	0369	Trần Thị Diệu Sương	11/10/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	73.5			73.5	Không đạt
247	0366	Nguyễn Thị Quyên	19/8/1997	Hà Tĩnh	GV THCS - Toán	73	73		73	Không đạt
248	0440	Trần Quang Trung	16/5/1994	Quảng Nam	GV THCS - Toán	73			73	Không đạt
249	0310	Trần Thị Lành	07/12/1992	Quảng Nam	GV THCS - Toán	72			72	Không đạt
250	0323	Hồ Thị Ly	15/4/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	72			72	Không đạt
251	0402	Nguyễn Thị Trâm	22/6/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	72			72	Không đạt
252	0275	Nguyễn Thị Ngọc Hà	12/12/1989	Quảng Nam	GV THCS - Toán	71			71	Không đạt
253	0280	Trương Thị Hạnh	19/9/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	71			71	Không đạt
254	0326	Diệp Thị Lý	12/12/1993	Quảng Nam	GV THCS - Toán	71			71	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
5	0354	Đỗ Lê Kiều Oanh	02/10/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	71			71	Không đạt
6	0448	Dương Thị Thanh	07/7/1992	Quảng Nam	GV THCS - Toán	71			71	Không đạt
7	0339	Nguyễn Thị Thanh Ngân	09/5/1998	Đà Nẵng	GV THCS - Toán	70			70	Không đạt
8	0351	Lê Thị Niên	01/9/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	70			70	Không đạt
9	0396	Nguyễn Văn Tiến	19/10/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	70			70	Không đạt
0	0251	Vũ Nhật Anh	24/7/1990	Nghệ An	GV THCS - Toán	69			69	Không đạt
1	0284	Hà Lê Văn Hiền	01/01/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	69			69	Không đạt
2	0294	Lê Thị Hoa	07/02/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	69			69	Không đạt
3	0344	Phạm Quỳnh Quang Nhật	07/10/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	69			69	Không đạt
4	0336	Bùi Thị Ni Na	02/9/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	67			67	Không đạt
5	0391	Phạm Tấn Thơ	09/01/1991	Quảng Nam	GV THCS - Toán	62		5	67	Không đạt
6	0270	Nguyễn Thị Hữu Duyên	26/8/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	66			66	Không đạt
7	0382	Phan Thị Thu Thảo	01/10/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	66			66	Không đạt
8	0413	Kiều Trần Thực Trinh	12/11/1993	Quảng Nam	GV THCS - Toán	66			66	Không đạt
9	0266	Lê Thị Tuyết Dung	20/11/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	65			65	Không đạt
0	0398	Nguyễn Đức Tín	13/01/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	65			65	Không đạt
1	0312	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	18/10/1996	Thừa Thiên Huế	GV THCS - Toán	64			64	Không đạt
2	0434	Nguyễn Thị Như Ý	24/11/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	64			64	Không đạt
3	0286	Tào Thị Thu Hiền	18/12/1990	Quảng Nam	GV THCS - Toán	58		5	63	Không đạt
4	0316	Trương Phú Linh	02/10/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	63			63	Không đạt
5	0361	Nguyễn Thị Minh Phương	27/02/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	63			63	Không đạt
6	0450	Lưu Văn Tuấn	5/11/1982	Quảng Nam	GV THCS - Toán	63			63	Không đạt
7	0285	Hà Thị Hiền	25/6/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	62			62	Không đạt
8	0408	Nguyễn Thị Minh Trang	18/02/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	62			62	Không đạt
9	0433	Bùi Thị Xuyên	15/11/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	62			62	Không đạt
0	0373	Nguyễn Thị Cẩm Tài	20/8/1992	Quảng Nam	GV THCS - Toán	61.5			61.5	Không đạt
1	0303	Hà Thị Thu Hiền	01/01/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	61			61	Không đạt
2	0381	Nguyễn Thị Như Thảo	17/02/1994	Quảng Nam	GV THCS - Toán	61			61	Không đạt
3	0404	Nguyễn Trần Huyền Trang	21/5/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	61			61	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
284	0247	Dương Phú An	20/12/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	60			60	Không đạt
285	0291	Lê Thị Ngọc Hòa	17/02/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	60			60	Không đạt
286	0325	Lê Thị Lý	05/7/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	60			60	Không đạt
287	0337	Lê Thị Kim Ngân	02/7/1999	Quảng Nam	GV THCS - Toán	60			60	Không đạt
288	0341	Nguyễn Hòa Nghĩa	27/02/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	60			60	Không đạt
289	0430	Bùi Thị Thúy Vy	10/02/1998	TP Đà Nẵng	GV THCS - Toán	60			60	Không đạt
290	0454	Nguyễn Thị Thanh Sen	17/6/1989	Quảng Nam	GV THCS - Toán	60			60	Không đạt
291	0265	Trương Thị Phương Dung	2/1/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	59			59	Không đạt
292	0329	Nguyễn Thị Ái Mỹ	30/4/1994	Quảng Nam	GV THCS - Toán	59			59	Không đạt
293	0442	Lê Thị Diệp	01/12/1993	Quảng Nam	GV THCS - Toán	59			59	Không đạt
294	0253	Phan Ngọc Bích	02/10/1994	Quảng Nam	GV THCS - Toán	58			58	Không đạt
295	0269	Nguyễn Thị Duyên	18/8/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	58			58	Không đạt
296	0273	Nguyễn Thị Lê Giang	24/6/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	58			58	Không đạt
297	0277	Phan Thị Lê Hằng	20/11/1991	Quảng Nam	GV THCS - Toán	58			58	Không đạt
298	0299	Nguyễn Thị Kim Hồng	22/10/1999	Quảng Nam	GV THCS - Toán	58			58	Không đạt
299	0332	Trần Thị Thoại Mỹ	06/3/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	58			58	Không đạt
300	0335	Mai Thị Ni Na	14/01/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	58			58	Không đạt
301	0371	Nguyễn Thị Sương	28/01/1992	Quảng Nam	GV THCS - Toán	58			58	Không đạt
302	0389	Hồ Văn Tho	10/5/1987	Quảng Nam	GV THCS - Toán	58			58	Không đạt
303	0424	Đặng Thị Thúy Vân	08/9/1988	Quảng Nam	GV THCS - Toán	58			58	Không đạt
304	0455	Đặng Thị Yến	10/10/1988	Thái Bình	GV THCS - Toán	58			58	Không đạt
305	0362	Trần Thị Phương	07/7/1999	Quảng Nam	GV THCS - Toán	57.5			57.5	Không đạt
306	0322	Nguyễn Thị Kim Luyến	03/01/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	57			57	Không đạt
307	0376	Nguyễn Hoàng Tân	23/12/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	57			57	Không đạt
308	0420	Lê Thị Ánh Tuyết	01/02/1993	Quảng Nam	GV THCS - Toán	57			57	Không đạt
309	0276	Phan Thị Hải	01/5/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	56			56	Không đạt
310	0308	Nguyễn Thị Lã	18/11/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	56			56	Không đạt
311	0295	Hồ Thị Hoa	20/3/1990	Quảng Nam	GV THCS - Toán	55			55	Không đạt
312	0302	Nguyễn Thị Bích Huyền	10/8/1989	Quảng Nam	GV THCS - Toán	55			55	Không đạt

T	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phức khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
3	0415	Trần Việt Từ	05/4/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	55			55	Không đạt
4	0356	Đoàn Thị Thùy Oanh	25/11/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	54.5			54.5	Không đạt
5	0374	Phạm Thị Thanh Tâm	01/10/1994	Quảng Nam	GV THCS - Toán	54			54	Không đạt
6	0449	Tiêu Thị Hồng Thủy	25/5/1993	Quảng Nam	GV THCS - Toán	54			54	Không đạt
7	0372	Bùi Quốc Tài	02/8/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	53			53	Không đạt
8	0390	Lê Thị Kim Thơ	20/9/1992	Quảng Nam	GV THCS - Toán	53			53	Không đạt
9	0250	Nguyễn Thị Nguyệt Ân	24/3/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	52			52	Không đạt
0	0267	Phạm Như Duy	15/02/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	52			52	Không đạt
1	0271	Phạm Thị Cẩm Duyên	16/3/1999	Quảng Nam	GV THCS - Toán	52			52	Không đạt
2	0282	Phan Thanh Hậu	22/4/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	52			52	Không đạt
3	0315	Hồ Tấn Lân	05/10/1990	Quảng Nam	GV THCS - Toán	52			52	Không đạt
4	0244	Vương Thị Kim Cúc	09/7/1997	Quảng Trị	GV THCS - Toán	51			51	Không đạt
5	0311	Lê Thị Hồng Lê	16/01/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	51			51	Không đạt
6	0330	Võ Thị Diễm My	24/02/1994	Quảng Nam	GV THCS - Toán	51			51	Không đạt
7	0348	Trần Thị Tuyết Nhung	01/01/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	51			51	Không đạt
8	0360	Nguyễn Thị Diễm Phúc	26/3/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	51			51	Không đạt
9	0405	Nguyễn Lê Huyền Trang	18/9/1994	Quảng Nam	GV THCS - Toán	51			51	Không đạt
0	0416	Phan Đức Tuấn	09/10/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	51			51	Không đạt
1	0419	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	02/7/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	51			51	Không đạt
2	0258	Nguyễn Thị Kim Chung	14/3/1986	Quảng Nam	GV THCS - Toán	50			50	Không đạt
3	0320	Nguyễn Thị Thảo Linh	01/02/1999	Quảng Nam	GV THCS - Toán	49			49	Không đạt
4	0345	Trương Thị Tuyết Nhi	13/9/1999	Quảng Nam	GV THCS - Toán	49			49	Không đạt
5	0347	Lê Thị Bảo Như	26/11/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	49			49	Không đạt
6	0383	Phan Thị Bích Thảo	26/6/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	49			49	Không đạt
7	0412	Nguyễn Thị Ý Trinh	05/6/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	49			49	Không đạt
8	0346	Trần Thị Tuyết Nhi	26/02/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	48			48	Không đạt
9	0274	Đoàn Thị Thu Hà	11/01/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	47			47	Không đạt
0	0380	Phạm Hoài Thanh	24/3/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	47			47	Không đạt
1	0256	Trần Văn Cảnh	31/12/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	46			46	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
342	0279	Trần Thị Hạnh	10/01/1994	Quảng Nam	GV THCS - Toán	46			46	Không đạt
343	0314	Nguyễn Thị Lệ	05/8/1994	Quảng Nam	GV THCS - Toán	46			46	Không đạt
344	0358	Nguyễn Văn Phi	12/12/1993	Quảng Nam	GV THCS - Toán	45			45	Không đạt
345	0368	Lê Phạm Việt Sơn	12/5/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	45			45	Không đạt
346	0422	Phạm Ngọc Uyên	04/6/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	45			45	Không đạt
347	0427	Nguyễn Thị Tường Vi	13/8/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	45			45	Không đạt
348	0452	Trần Thị Minh Hiền	22/3/1992	Quảng Nam	GV THCS - Toán	45			45	Không đạt
349	0431	Ngô Thị Tường Vy	06/11/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	44			44	Không đạt
350	0293	Đặng Trần Công Hòa	10/01/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	43			43	Không đạt
351	0392	Võ Thị Hoài Thu	18/11/1989	Quảng Nam	GV THCS - Toán	43			43	Không đạt
352	0272	Hứa Thị Duyên	26/4/1999	Quảng Nam	GV THCS - Toán	42			42	Không đạt
353	0379	Nguyễn Thị Thanh Thanh	06/3/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	42			42	Không đạt
354	0245	Tô Thị Hoàng	16/4/1986	Quảng Nam	GV THCS - Toán	41			41	Không đạt
355	0432	Trịnh Thị Thúy Vy	25/11/1999	Quảng Nam	GV THCS - Toán	41			41	Không đạt
356	0278	Phạm Thị Thúy Hằng	27/10/1987	Quảng Nam	GV THCS - Toán	39			39	Không đạt
357	0338	Trương Thị Ngân	20/02/1996	Quảng Nam	GV THCS - Toán	39			39	Không đạt
358	0384	Nguyễn Thị Thảo	01/10/1989	Quảng Nam	GV THCS - Toán	39			39	Không đạt
359	0428	Nguyễn Văn Lê Vũ	24/6/1994	Quảng Nam	GV THCS - Toán	39			39	Không đạt
360	0429	Hồ Quốc Vương	21/9/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	39			39	Không đạt
361	0248	Võ Thị Ngọc An	24/02/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	38			38	Không đạt
362	0395	Trần Thùy Tiên	28/01/1999	Quảng Nam	GV THCS - Toán	38			38	Không đạt
363	0365	Võ Như Quốc	17/4/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	37			37	Không đạt
364	0403	Trần Nguyễn Ngọc Trâm	02/8/1999	Quảng Nam	GV THCS - Toán	37			37	Không đạt
365	0409	Nguyễn Thị Thúy Trang	12/11/1999	Quảng Nam	GV THCS - Toán	37			37	Không đạt
366	0423	Nguyễn Thị Cẩm Vân	25/5/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	34			34	Không đạt
367	0426	Lê Thị Vân	15/02/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	33			33	Không đạt
368	0401	Trương Thị Trâm	11/9/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	32			32	Không đạt
369	0418	Bùi Nguyễn Xuân Tuấn	03/10/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	31			31	Không đạt
370	0435	Lê Thị Như Ý	10/5/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	31			31	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quốc quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phức khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
1	0425	Lê Thị Thu Vân	07/11/1988	Quảng Nam	GV THCS - Toán	27			27	Không đạt
2	0287	Võ Thị Hiền	30/10/1997	Quảng Nam	GV THCS - Toán	26			26	Không đạt
3	0343	Nguyễn Khánh Nguyễn	10/01/1999	Quảng Nam	GV THCS - Toán	26			26	Không đạt
4	0385	Hồ Trần Vi Thảo	21/8/1995	Quảng Nam	GV THCS - Toán	25			25	Không đạt
5	0281	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	22/01/1998	Quảng Nam	GV THCS - Toán	21			21	Không đạt
6	0010	Nguyễn Thị Kim Yến	12/12/1991	Đà Nẵng	GV tiểu học - Âm nhạc	82			82	Đạt
7	0002	Lê Hoàng Đức	03/05/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - Âm nhạc	74		2.5	76.5	Đạt
8	0008	Võ Như Lưu Triệu Vĩ	15/5/1993	Quảng Nam	GV tiểu học - Âm nhạc	71			71	Không đạt
9	0003	Lê Thị Phước Lộc	21/10/1993	Quảng Nam	GV tiểu học - Âm nhạc	70			70	Không đạt
10	0001	Ngô Thị Lâm Ân	16/6/1994	Quảng Nam	GV tiểu học - Âm nhạc	69			69	Không đạt
11	0007	Lưu Đỗ Anh Văn	13/12/1988	Quảng Nam	GV tiểu học - Âm nhạc	68			68	Không đạt
12	0006	Huỳnh Thị Trinh	02/4/1994	Quảng Nam	GV tiểu học - Âm nhạc	66			66	Không đạt
13	0027	Hà Thị Hòa	23/8/1993	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	95			95	Đạt
14	0046	Võ Thị Ngọc	25/02/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	93			93	Đạt
15	0024	Huỳnh Tấn Hiền	17/11/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	90			90	Đạt
16	0078	Lê Văn Vũ	01/5/1990	Quảng Trị	GV tiểu học - TDTC	88			88	Đạt
17	0023	Nguyễn Văn Hiền	15/02/1994	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	87			87	Đạt
18	0044	Lê Văn Nam	25/6/1993	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	87			87	Đạt
19	0076	Trần Văn Việt	10/7/1992	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	84			84	Đạt
20	0029	Đặng Quang Hoàng	19/8/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	80.5			80.5	Đạt
21	0062	Nguyễn Ngọc Thanh	16/3/1988	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	80			80	Đạt
22	0022	Huỳnh Thị Phú Hải	23/8/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	76			76	Đạt
23	0018	Hồ Đức Đức	20/3/1994	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	75			75	Không đạt
24	0063	Trần Đoàn Trường Thành	13/5/1997	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	75			75	Không đạt
25	0028	Phạm Tấn Hoài	26/11/1991	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	74			74	Không đạt
26	0025	Đặng Văn Hiệp	28/02/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	72			72	Không đạt
27	0055	Nguyễn Trường Sanh	27/11/1990	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	72			72	Không đạt
28	0054	Lê Quang Sang	12/9/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	69		2.5	71.5	Không đạt
29	0039	Nguyễn Văn Linh	30/01/1989	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	71			71	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
<i>4</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>11</i>
400	0040	Lê Văn Lo	28/02/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	70			70	Không đạt
401	0051	Nguyễn Văn Quang	17/5/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	69			69	Không đạt
402	0013	Nguyễn Thị Mỹ Châu	22/02/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	65			65	Không đạt
403	0014	Bùi Xuân Công	26/7/1990	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	65			65	Không đạt
404	0057	Vũ Hồng Sơn	12/7/1993	Nghệ An	GV tiểu học - TDTTC	65			65	Không đạt
405	0080	Trần Thị Xuân	10/8/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	65			65	Không đạt
406	0042	Phạm Châu Lợi	01/01/1997	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	64			64	Không đạt
407	0075	Lê Phước Tường Vi	12/12/1997	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	64			64	Không đạt
408	0017	Phan Công Tuấn	27/5/1991	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	63			63	Không đạt
409	0052	Ngô Văn Quốc	20/6/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	63			63	Không đạt
410	0041	Lê Thị Kim Loan	13/11/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	62			62	Không đạt
411	0011	Trần Thanh An	28/5/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	61			61	Không đạt
412	0031	Huỳnh Bá Hưng	03/5/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	61			61	Không đạt
413	0070	Huỳnh Nhật Trung	13/5/1998	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	61			61	Không đạt
414	0066	Ngô Văn Thông	29/6/1994	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	60			60	Không đạt
415	0068	Nguyễn Anh Thường	01/01/1994	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	60			60	Không đạt
416	0083	Nguyễn Thị Minh Yến	07/01/1997	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	60			60	Không đạt
417	0015	Trần Quốc Cường	02/4/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	59			59	Không đạt
418	0047	Nguyễn Ngọc Nhân	19/6/1994	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	59			59	Không đạt
419	0077	Lê Tự Ngọc Vĩnh	28/5/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	59			59	Không đạt
420	0030	Huỳnh Văn Hùng	17/11/1992	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	58			58	Không đạt
421	0032	Nguyễn Thị Thùy Hương	27/10/1997	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	58			58	Không đạt
422	0053	Phan Thị Diễm Quỳnh	23/02/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	58			58	Không đạt
423	0016	Lương Hoàng Danh	12/7/1993	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	57			57	Không đạt
424	0049	Huỳnh Văn Bảo Phúc	25/8/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	57			57	Không đạt
425	0079	Nguyễn Đức Vũ	16/10/1997	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	57			57	Không đạt
426	0035	Nguyễn Đình Khả	08/3/1994	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	56			56	Không đạt
427	0038	Lê Thị Mỹ Lệ	24/6/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	56			56	Không đạt
428	0045	Võ Hoài Nam	12/02/1997	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTTC	56			56	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phức khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
9	0058	Ngô Trần Hoàng Sơn	12/5/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	56			56	Không đạt
0	0081	Hồ Minh Xuyên	30/7/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	51		5	56	Không đạt
1	0061	Đinh Hà Hữu Thắng	13/02/1998	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	55			55	Không đạt
2	0073	Trần Đăng Tuấn	20/12/1998	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	55			55	Không đạt
3	0060	Trần Trung Tấn	18/02/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	53			53	Không đạt
4	0069	Mai Thanh Tịnh	26/6/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	53			53	Không đạt
5	0071	Lê Hoàng Anh Trung	21/8/1994	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	51			51	Không đạt
6	0026	Nguyễn Văn Trung Hiếu	18/7/1991	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	44			44	Không đạt
7	0064	Trần Kim Hoàng Thiên	27/10/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	44			44	Không đạt
8	0082	Nguyễn Danh Y	10/01/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	43			43	Không đạt
9	0034	Nguyễn Văn Nhật Huy	20/9/1998	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	42			42	Không đạt
0	0019	Mai Hoàng Dũng	26/7/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - TDTC	34			34	Không đạt
1	0541	Nguyễn Thị Kim Tuyền	21/7/1993	Thừa Thiên Huế	GV tiểu học - Tiếng Anh	73			73	Đạt
2	0534	Hồ Lê Ngọc Nga	07/01/1999	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	65			65	Đạt
3	0540	Lê Thị Tư	23/5/1993	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	55		5	60	Đạt
4	0525	Nguyễn Thị Kim Chi	18/02/1994	Thái Bình	GV tiểu học - Tiếng Anh	58			58	Không đạt
5	0526	Mai Thị Thu Giang	29/10/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	58			58	Không đạt
6	0539	Trần Thị Bích Triều	01/6/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	58			58	Không đạt
7	0543	Lê Uyên	03/7/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	57	58		58	Đạt
8	0537	Trần Thiên Thu	03/6/1992	Thừa Thiên Huế	GV tiểu học - Tiếng Anh	55			55	Không đạt
9	0538	Ngô Thị Minh Thúy	03/3/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	55			55	Không đạt
0	0536	Nguyễn Thị Tâm	30/5/1995	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	51			51	Không đạt
1	0531	Huỳnh Thị Ly	05/5/1993	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	50			50	Không đạt
2	0527	Lê Thiên Thanh Hạ	09/6/1991	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	49			49	Không đạt
3	0532	Nguyễn Nữ Vi Na	27/5/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	49			49	Không đạt
4	0535	Lê Thị Thu Nguyễn	11/4/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	49			49	Không đạt
5	0542	Phan Thanh Tuyền	23/9/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	48			48	Không đạt
6	0544	Nguyễn Thị Ánh Vân	26/02/1997	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	47			47	Không đạt
7	0533	Lê Thị Hồng Nga	22/02/1993	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	46			46	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phức khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	
458	0528	Thiều Thị Thanh Huy	16/11/1993	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	44			44	Không đạt
459	0524	Lê Thị Ngọc Bích	15/5/1996	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	35			35	Không đạt
460	0545	Nguyễn Thị Nhật Yến	15/10/1986	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	31			31	Không đạt
461	0530	Võ Kiều Linh	17/7/1994	Quảng Nam	GV tiểu học - Tiếng Anh	30			30	Không đạt
462	0607	Lê Thị Thùy Dung	25/6/1987	Gia Lai	Kế toán	95			95	Đạt
463	0623	Hồ Thị Hạnh	06/11/1991	Quảng Nam	Kế toán	94			94	Đạt
464	0686	Lê Nguyễn Thảo	15/10/1986	Quảng Nam	Kế toán	92.5			92.5	Đạt
465	0698	Nguyễn Vũ Thu Thủy	30/10/1980	Quảng Nam	Kế toán	92			92	Đạt
466	0685	Trương Thị Thu Thảo	01/02/1992	Quảng Nam	Kế toán	91			91	Đạt
467	0717	Phạm Thị Phi Yên	05/11/1990	Quảng Nam	Kế toán	91			91	Đạt
468	0621	Lương Thị Hạnh	22/12/1989	Quảng Nam	Kế toán	90.5			90.5	Đạt
469	0684	Nguyễn Thị Thu Thảo	06/8/1993	Quảng Nam	Kế toán	89			89	Đạt
470	0630	Đoàn Thị Hồng	06/3/1978	Quảng Nam	Kế toán	87.5			87.5	Đạt
471	0602	Lê Thị Bảo Châu	01/01/1994	Quảng Nam	Kế toán	85			85	Đạt
472	0629	Lê Thị Hồng	26/12/1987	Quảng Nam	Kế toán	84.5			84.5	Đạt
473	0600	Lê Thị Thanh Bình	15/4/1975	Quảng Nam	Kế toán	84			84	Đạt
474	0705	Nguyễn Thị Huyền Trang	26/8/1993	Quảng Nam	Kế toán	79		5	84	Đạt
475	0653	Trần Thị Bích Nga	22/12/1986	Quảng Nam	Kế toán	82			82	Đạt
476	0682	Trần Thị Thắm	20/6/1992	Đà Nẵng	Kế toán	82			82	Đạt
477	0674	Nguyễn Minh Quang	29/3/1993	Quảng Nam	Kế toán	81	82		82	Đạt
478	0596	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	05/12/1985	Quảng Nam	Kế toán	81.5			81.5	Đạt
479	0681	Hồ Thị Thắm	17/11/1986	Quảng Nam	Kế toán	76.5		5	81.5	Đạt
480	0639	Nguyễn Đình Phương Lan	12/6/1992	Quảng Nam	Kế toán	81			81	Không đạt
481	0715	Nguyễn Thị Hiền Vy	12/11/1994	Quảng Nam	Kế toán	81			81	Không đạt
482	0655	Nguyễn Thị Bích Ngọc	03/10/1987	Quảng Nam	Kế toán	80			80	Không đạt
483	0610	Huỳnh Thị Thanh Duyên	26/3/1996	Quảng Nam	Kế toán	79			79	Không đạt
484	0609	Nguyễn Thị Thùy Dương	15/7/1987	Quảng Nam	Kế toán	78			78	Không đạt
485	0625	Nguyễn Thị Phước Hoa	01/01/1981	Quảng Nam	Kế toán	77.5			77.5	Không đạt
486	0604	Ngô Thị Diệp	02/10/1991	Quảng Nam	Kế toán	72		5	77	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
37	0696	Nguyễn Thị Thanh Thủy	02/10/1981	Quảng Nam	Kế toán	77			77	Không đạt
38	0710	Nguyễn Phương Trang	17/8/1987	Quảng Nam	Kế toán	76.5			76.5	Không đạt
39	0701	Lê Thị Bích Trâm	03/12/1988	Quảng Nam	Kế toán	74.5			74.5	Không đạt
40	0614	Bùi Thị Hà	15/3/1990	Quảng Nam	Kế toán	74			74	Không đạt
41	0651	Phan Thị Minh	08/8/1989	Thừa Thiên Huế	Kế toán	74			74	Không đạt
42	0620	Lê Thị Hằng	03/11/1992	Thanh Hóa	Kế toán	73.5			73.5	Không đạt
43	0704	Trần Thị Thùy Trang	25/02/1991	Quảng Nam	Kế toán	71.5			71.5	Không đạt
44	0624	Lê Thị Minh Hậu	15/01/1988	Quảng Nam	Kế toán	69			69	Không đạt
45	0615	Tổng Thị Hà	25/11/1991	Quảng Nam	Kế toán	68.5			68.5	Không đạt
46	0626	Phan Mỹ Hoa	20/02/1994	Quảng Nam	Kế toán	68.5			68.5	Không đạt
47	0636	Mai Thị Huyền	07/10/1991	Quảng Nam	Kế toán	68			68	Không đạt
48	0618	Trần Thị Nhật Hằng	12/11/1988	Quảng Nam	Kế toán	66.5			66.5	Không đạt
49	0633	Nguyễn Thị Hương	16/9/1985	Quảng Nam	Kế toán	66.5			66.5	Không đạt
50	0669	Nguyễn Thị Hoài Phương	12/9/1988	Quảng Nam	Kế toán	65			65	Không đạt
51	0691	Lê Thị Thuận	28/02/1991	Quảng Nam	Kế toán	64			64	Không đạt
52	0648	Lê Thị Thanh Mai	13/7/1991	Quảng Nam	Kế toán	62.5			62.5	Không đạt
53	0608	Lê Thị Phương Dung	07/4/1985	Quảng Nam	Kế toán	62			62	Không đạt
54	0683	Lê Thị Hồng Thắm	22/12/1994	Quảng Nam	Kế toán	62			62	Không đạt
55	0640	Cao Thị Hiền Lành	26/8/1981	Quảng Nam	Kế toán	56.5		5	61.5	Không đạt
56	0675	Lê Thị Quyên	06/7/1985	Quảng Nam	Kế toán	60			60	Không đạt
57	0689	Lê Thị Thanh Thư	24/7/1988	Quảng Nam	Kế toán	60			60	Không đạt
58	0703	Lê Thị Huyền Trang	30/5/1987	Quảng Nam	Kế toán	59.5			59.5	Không đạt
59	0598	Cao Thị Bích	10/6/1987	Quảng Nam	Kế toán	59			59	Không đạt
60	0627	Nguyễn Thị Hóa	24/10/1969	Hà Tĩnh	Kế toán	59			59	Không đạt
61	0677	Trần Thị Thu Sương	07/6/1999	Quảng Nam	Kế toán	59			59	Không đạt
62	0702	Trà Thị Minh Trang	05/10/1990	Quảng Nam	Kế toán	59			59	Không đạt
63	0616	Hồ Thị Ngọc Hà	15/02/1986	Quảng Nam	Kế toán	58.5			58.5	Không đạt
64	0658	Võ Thị Thu Nhi	10/7/1987	Quảng Nam	Kế toán	57			57	Không đạt
65	0671	Nguyễn Thị Hồng Phương	15/11/1988	Quảng Nam	Kế toán	57			57	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phức khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
516	0688	Đặng Thị Thu	07/02/1997	Quảng Nam	Kế toán	56.5			56.5	Không đạt
517	0666	Nguyễn Thị Nờ	05/9/1992	Quảng Nam	Kế toán	56			56	Không đạt
518	0601	Phạm Lê Thanh Châu	11/01/1991	Quảng Nam	Kế toán	55			55	Không đạt
519	0706	Nguyễn Thị Thùy Trang	09/5/1985	Quảng Nam	Kế toán	54.5			54.5	Không đạt
520	0617	Thân Thị Hằng	10/01/1981	Quảng Nam	Kế toán	54			54	Không đạt
521	0694	Ngô Thị Thủy	20/3/1990	Hà Tĩnh	Kế toán	54			54	Không đạt
522	0628	Nguyễn Thị Ánh Hồng	28/01/1989	Quảng Nam	Kế toán	53			53	Không đạt
523	0693	Trần Thị Hoài Thương	30/12/1993	Quảng Nam	Kế toán	53			53	Không đạt
524	0611	Lê Thái Hương Duyên	04/02/1995	Quảng Nam	Kế toán	52			52	Không đạt
525	0661	Nguyễn Thị Quỳnh Như	11/4/1981	Quảng Nam	Kế toán	51			51	Không đạt
526	0650	Trần Hồng Mẫn	25/12/1988	Quảng Nam	Kế toán	50			50	Không đạt
527	0687	Đặng Thị Thiên	18/4/1991	Quảng Nam	Kế toán	50			50	Không đạt
528	0619	Nguyễn Thị Thủy Hằng	09/01/1990	Quảng Nam	Kế toán	49.5			49.5	Không đạt
529	0606	Nguyễn Xuân Định	04/02/1984	Quảng Nam	Kế toán	44		5	49	Không đạt
530	0641	Nguyễn Thị Li Li	10/10/1984	Quảng Nam	Kế toán	48.5			48.5	Không đạt
531	0665	Nguyễn Thị Nhật Ni	01/11/1991	Quảng Nam	Kế toán	48			48	Không đạt
532	0667	Võ Thị Quý Nuong	01/01/1991	Quảng Nam	Kế toán	48			48	Không đạt
533	0700	Nguyễn Thị Thùy Trâm	13/9/1991	Quảng Nam	Kế toán	48			48	Không đạt
534	0714	Lê Thị Minh Viễn	28/6/1987	Quảng Nam	Kế toán	47			47	Không đạt
535	0603	Lý Tú Châu	24/8/1983	Trung Quốc	Kế toán	46			46	Không đạt
536	0692	Huỳnh Thị Thân Thương	26/11/1986	Quảng Nam	Kế toán	44.5			44.5	Không đạt
537	0670	Lê Thị Bích Phương	24/4/1989	Quảng Nam	Kế toán	40.5			40.5	Không đạt
538	0707	Phạm Thị Trang	14/12/1992	Quảng Nam	Kế toán	38.5			38.5	Không đạt
539	0662	Lương Thị Kim Nhung	26/02/1993	Quảng Nam	Kế toán	37			37	Không đạt
540	0631	Nguyễn Thị Hồng	01/4/1992	Quảng Nam	Kế toán	34			34	Không đạt
541	0712	Lê Thị Ánh Tuyết	29/5/1989	Quảng Nam	Kế toán	34			34	Không đạt
542	0645	Lâm Bích Luyên	08/7/1993	Quảng Nam	Kế toán	32.5			32.5	Không đạt
543	0716	Hà Thị Kim Yên	23/8/1983	Quảng Nam	Kế toán	27.5		5	32.5	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
44	0660	Võ Thị Nhờ	05/3/1990	Quảng Nam	Kế toán	27		5	32	Không đạt
45	0679	Lê Thị Tâm	25/9/1997	Quảng Nam	Kế toán	27		5	32	Không đạt
46	0699	Phạm Thị Tĩnh	09/5/2000	Quảng Nam	Kế toán	31.5			31.5	Không đạt
47	0695	Phan Thị Như Thùy	01/10/1985	Quảng Nam	Kế toán	30			30	Không đạt
48	0632	Đinh Thị Huệ	14/10/1989	Quảng Nam	Kế toán	29			29	Không đạt
49	0646	Lê Thị Trà Lý	25/02/1981	Đà Nẵng	Kế toán	29			29	Không đạt
50	0713	Đinh Thị Vân	20/11/1981	Quảng Nam	Kế toán	29			29	Không đạt
51	0718	Lê Thị Kim Yến	10/12/1991	Quảng Nam	Kế toán	29			29	Không đạt
52	0595	Trần Thị Tuyết Anh	26/9/1991	Quảng Nam	Kế toán	27.8			27.8	Không đạt
53	0673	Nguyễn Thị Phương	13/3/1984	Quảng Nam	Kế toán	26			26	Không đạt
54	0654	Nguyễn Vũ Huyền Nga	08/8/1986	Quảng Nam	Kế toán	25.5			25.5	Không đạt
55	0664	Đinh Thị Nhung	18/3/1985	Quảng Nam	Kế toán	24.5			24.5	Không đạt
56	0622	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	27/5/1988	Quảng Nam	Kế toán	23			23	Không đạt
57	0672	Lê Thị Thanh Phương	05/5/1983	Quảng Nam	Kế toán	21			21	Không đạt
58	0678	Nguyễn Thị Thu Sương	16/02/1993	Quảng Nam	Kế toán	20			20	Không đạt
59	0656	Trần Thị Kim Ngọc	15/3/1991	Quảng Nam	Kế toán	18			18	Không đạt
60	0657	Lương Thị Thanh Nguyệt	08/6/1985	Quảng Nam	Kế toán	15			15	Không đạt
61	0638	Lê Thị Lan	06/3/1993	Quảng Nam	Kế toán	13			13	Không đạt
62	0599	Võ Thị Mỹ Bình	17/7/1990	Quảng Nam	Kế toán	11.5			11.5	Không đạt
63	0708	Nguyễn Thị Thu Trang	21/12/1983	Quảng Nam	Kế toán	8			8	Không đạt
64	0709	Nguyễn Thị Trang	15/3/1986	Quảng Nam	Kế toán	8			8	Không đạt
65	0597	Võ Thị Hoài Bảo	21/10/1993	Quảng Nam	Kế toán	7.3			7.3	Không đạt
66	0676	Nguyễn Thị Hồng Sang	06/6/1974	Quảng Nam	Kế toán	2			2	Không đạt
67	0775	Nguyễn Thị Hoàng Anh	16/7/1988	Quảng Nam	Thiết bị	95.3			95.3	Đạt
68	0796	Trần Thị Hoa	03/02/1994	Quảng Nam	Thiết bị	94			94	Đạt
69	0797	Phan Hoàng Hội	02/12/1996	Quảng Nam	Thiết bị	94			94	Đạt
70	0789	Hồ Thị Thu Hiền	30/8/1987	Quảng Nam	Thiết bị	93.8			93.8	Đạt
71	0792	Trần Thị Hiền	12/9/1991	Đà Nẵng	Thiết bị	93.8			93.8	Đạt
72	0805	Thị Thị Diệu Huyền	20/4/1994	Quảng Nam	Thiết bị	88.8		5	93.8	Đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
573	0783	Phạm Thị Thanh Hà	01/7/1995	Quảng Nam	Thiết bị	93.5			93.5	Đạt
574	0784	Nguyễn Thị Diệu Hà	20/9/1996	Quảng Nam	Thiết bị	93.5			93.5	Đạt
575	0861	Nguyễn Thị Tường Vân	01/01/1995	Quảng Nam	Thiết bị	91.8			91.8	Đạt
576	0787	Hồ Tấn Hậu	10/02/1993	Quảng Nam	Thiết bị	90.3			90.3	Đạt
577	0863	Phạm Thị Hồng Vi	07/3/1993	Quảng Nam	Thiết bị	89.8			89.8	Đạt
578	0788	Nguyễn Thị Hậu	14/01/1997	Quảng Nam	Thiết bị	89.3			89.3	Đạt
579	0804	Huỳnh Thị Hương	16/8/1996	Quảng Nam	Thiết bị	89.3			89.3	Đạt
580	0839	Nguyễn Thị Như Thảo	03/11/1995	Quảng Nam	Thiết bị	88.5			88.5	Đạt
581	0831	Lương Thị Hiền Phương	02/12/1988	Quảng Nam	Thiết bị	88.3			88.3	Đạt
582	0819	Lê Trọng Nghĩa	21/6/1992	Quảng Nam	Thiết bị	88			88	Đạt
583	0856	Trần Thị Phương Trúc	29/3/1993	Quảng Nam	Thiết bị	87.8			87.8	Đạt
584	0862	Phạm Thị Tú Vi	04/8/1993	Quảng Nam	Thiết bị	87.8			87.8	Đạt
585	0852	Nguyễn Thị Huyền Trang	26/8/1997	Quảng Nam	Thiết bị	87.3			87.3	Đạt
586	0816	Nguyễn Thị Nga	10/6/1989	Quảng Nam	Thiết bị	86.5			86.5	Đạt
587	0846	Nguyễn Thị Hoài Thương	06/5/1996	Quảng Nam	Thiết bị	85.5			85.5	Không đạt
588	0801	Huỳnh Thị Hương	10/3/1995	Quảng Nam	Thiết bị	85.3			85.3	Không đạt
589	0807	Nguyễn Thị Lai	26/6/1978	Quảng Nam	Thiết bị	80		5	85	Không đạt
590	0850	Nguyễn Thị Thanh Trà	01/10/1994	Quảng Nam	Thiết bị	84.8			84.8	Không đạt
591	0780	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	25/01/1994	Quảng Nam	Thiết bị	82.8			82.8	Không đạt
592	0806	Bùi Thị Bích Kiều	21/02/1987	Quảng Nam	Thiết bị	82.3			82.3	Không đạt
593	0810	Lê Thị Hồng Linh	03/02/1994	Quảng Nam	Thiết bị	81.5			81.5	Không đạt
594	0842	Dương Thị Thanh Thảo	23/02/1997	Quảng Nam	Thiết bị	78.5			78.5	Không đạt
595	0809	Trần Thị Linh	18/12/1997	Quảng Nam	Thiết bị	77.3			77.3	Không đạt
596	0790	Đoàn Thị Thanh Hiền	21/3/1995	Quảng Nam	Thiết bị	76.5			76.5	Không đạt
597	0812	Lê Thị Ánh Ly	02/01/1997	Quảng Nam	Thiết bị	74.3			74.3	Không đạt
598	0840	Nguyễn Thị Thạch Thảo	31/01/1996	Quảng Nam	Thiết bị	74.3			74.3	Không đạt
599	0832	Huỳnh Thị Thanh Phương	20/01/1997	Quảng Nam	Thiết bị	73.5			73.5	Không đạt
600	0781	Dương Thị Diễm	24/11/1995	Quảng Nam	Thiết bị	65			65	Không đạt
601	0786	Nguyễn Thị Hạnh	08/10/1996	Quảng Nam	Thiết bị	64.5			64.5	Không đạt

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
02	0798	Nguyễn Thị Duy Hưng	26/6/1992	Quảng Nam	Thiết bị	64.5			64.5	Không đạt
03	0843	Nguyễn Thành Thiện	14/3/1996	Quảng Nam	Thiết bị	63.5			63.5	Không đạt
04	0782	Trần Nguyễn Đăng Diệu	08/12/1996	Quảng Nam	Thiết bị	61.5			61.5	Không đạt
05	0828	Trần Thị Cẩm Nhung	10/5/1989	Quảng Nam	Thiết bị	59.8			59.8	Không đạt
06	0854	Nguyễn Thị Trinh	12/10/1996	Quảng Nam	Thiết bị	59.3			59.3	Không đạt
07	0851	Phạm Thị Bích Trâm	26/7/1996	Quảng Nam	Thiết bị	59			59	Không đạt
08	0821	Hà Thị Hồng Nhàn	19/01/1993	Quảng Nam	Thiết bị	58.5			58.5	Không đạt
09	0859	Nguyễn Thị Anh Tuyết	20/7/1989	Quảng Nam	Thiết bị	57.5			57.5	Không đạt
10	0841	Ngô Thị Phương Tháo	14/01/1995	Quảng Nam	Thiết bị	56.5			56.5	Không đạt
11	0800	Trần Thị Lê Hương	12/11/1997	Quảng Nam	Thiết bị	55.5			55.5	Không đạt
12	0817	Nguyễn Thị Nga	23/01/1991	Quảng Nam	Thiết bị	55.5			55.5	Không đạt
13	0793	Trần Thị Mỹ Hiền	15/12/1995	Quảng Nam	Thiết bị	55.3			55.3	Không đạt
14	0779	Đỗ Bùi Phương Chi	27/3/1997	Quảng Nam	Thiết bị	55			55	Không đạt
15	0795	Hà Thị Hiếu	13/5/1995	Quảng Nam	Thiết bị	54.8			54.8	Không đạt
16	0785	Bùi Thị Hoàng Hân	01/01/1996	Quảng Nam	Thiết bị	54.5			54.5	Không đạt
17	0791	Văn Thị Hiền	22/7/1991	Quảng Nam	Thiết bị	54.3			54.3	Không đạt
18	0799	Lê Thị Diệu Hương	31/5/1997	Quảng Nam	Thiết bị	54.3			54.3	Không đạt
19	0849	Nguyễn Thị Minh Toàn	20/02/1996	Quảng Nam	Thiết bị	53.3			53.3	Không đạt
20	0826	Đặng Thị Cẩm Nhung	30/11/1995	Quảng Nam	Thiết bị	52.3			52.3	Không đạt
21	0848	Vũ Thị Vi Tin	02/10/1996	Quảng Nam	Thiết bị	52.3			52.3	Không đạt
22	0855	Nguyễn Thị Trinh	22/12/1996	Quảng Nam	Thiết bị	52.3			52.3	Không đạt
23	0833	Nguyễn Thị Xuân Phương	01/01/1995	Quảng Nam	Thiết bị	52			52	Không đạt
24	0794	Phạm Thị Minh Hiếu	02/11/1991	Quảng Nam	Thiết bị	51.5			51.5	Không đạt
25	0818	Dương Thị Kim Ngân	07/7/1992	Quảng Nam	Thiết bị	51.5			51.5	Không đạt
26	0808	Lê Thị Lệ	16/01/1990	Quảng Nam	Thiết bị	51.3			51.3	Không đạt
27	0835	Nguyễn Văn San	27/6/1992	Quảng Nam	Thiết bị	51			51	Không đạt
28	0825	Ngô Thị Nhom	28/8/1990	Quảng Nam	Thiết bị	50.8			50.8	Không đạt
29	0822	Dương Thị Nhật	23/9/1996	Quảng Nam	Thiết bị	50.5			50.5	Không đạt
30	0814	Trần Thị Ni Na	15/10/1996	Quảng Nam	Thiết bị	50.3			50.3	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
631	0844	Trần Thị Việt Thống	20/8/1992	Quảng Nam	Thiết bị	50.3			50.3	Không đạt
632	0845	Lê Thị Minh Thu	13/10/1996	Quảng Nam	Thiết bị	50.3			50.3	Không đạt
633	0857	Trần Phước Thanh Tú	09/9/1997	Quảng Nam	Thiết bị	50.3			50.3	Không đạt
634	0815	Hà Thị Hằng Nga	19/12/1994	Quảng Nam	Thiết bị	50			50	Không đạt
635	0824	Lê Thanh Nhi	31/3/1997	Quảng Nam	Thiết bị	50			50	Không đạt
636	0829	Hà Thị Nở	30/5/1992	Quảng Nam	Thiết bị	50			50	Không đạt
637	0834	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12/9/1994	Quảng Nam	Thiết bị	50			50	Không đạt
638	0837	Nguyễn Ngọc Tân	03/9/1991	Quảng Nam	Thiết bị	50			50	Không đạt
639	0838	Huyền Thị Thắm	28/02/1991	Quảng Nam	Thiết bị	50			50	Không đạt
640	0853	Trần Thị Đông Trinh	18/3/1997	Quảng Nam	Thiết bị	50			50	Không đạt
641	0858	Nguyễn Lê Duy Tùng	11/5/1996	Hội An	Thiết bị	50		5	50	Không đạt
642	0741	Lê Thị Bích Công	16/11/1988	Quảng Nam	Thư viện viên hạng III	83			88	Đạt
643	0751	Trần Lê Vân	24/02/1995	Quảng Nam	Thư viện viên hạng III	87			87	Đạt
644	0747	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	04/7/1991	Quảng Nam	Thư viện viên hạng III	85			85	Đạt
645	0749	Lê Thị Minh Trâm	23/10/1991	Quảng Nam	Thư viện viên hạng III	85			85	Đạt
646	0748	Lê Thị Thanh Thảo	25/3/1993	Quảng Nam	Thư viện viên hạng III	84			84	Đạt
647	0746	Phan Thị Nguyên	25/01/1990	Quảng Nam	Thư viện viên hạng III	73			73	Đạt
648	0745	Đinh Thị Thùy Linh	15/8/1989	Đăklăk	Thư viện viên hạng III	68		5	73	Không đạt
649	0743	Đinh Thị Hưng	01/10/1991	Quảng Nam	Thư viện viên hạng III	69			69	Không đạt
650	0744	Nguyễn Thị Huyền	18/6/1992	Hà Tĩnh	Thư viện viên hạng III	67			67	Không đạt
651	0752	Nguyễn Thị Ngọc Vy	12/5/1984	Quảng Nam	Thư viện viên hạng III	54			54	Không đạt
652	0762	Nguyễn Thị Mai Lý	01/01/1985	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	75			75	Đạt
653	0764	Trần Thị Thanh Thảo	20/9/1989	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	74			74	Đạt
654	0756	Hồ Thị Lệ Giang	04/01/1980	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	68		5	73	Đạt
655	0758	Nguyễn Thị Bích Hạnh	02/01/1983	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	56		5	61	Đạt
656	0767	Trần Thị Thuần	17/02/1992	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	60			60	Đạt
657	0753	BLúp Aluoi	10/7/1986	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	53		5	58	Đạt
658	0773	Phạm Thị Tuệ	01/7/1990	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	55			55	Đạt
659	0759	Phạm thị Mỹ Hậu	26/3/1993	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	54.5			54.5	Đạt

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
60	0763	Phạm Thị Minh Tâm	01/8/1985	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	51			51	Đạt
61	0770	Huỳnh Thị Thùy	10/4/1987	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	51			51	Đạt
62	0772	Huỳnh Thị Quỳnh Trang	22/3/1989	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	48			48	Không đạt
63	0774	Nguyễn Quang Vinh	01/9/1988	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	48	48.5		48.5	Không đạt
64	0755	Huỳnh Thị Dung	01/8/1987	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	47	47		47	Không đạt
65	0757	Nguyễn Thanh Vĩnh Hằng	02/4/1991	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	38			38	Không đạt
66	0769	Nguyễn Thị Thùy	10/7/1985	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	34			34	Không đạt
67	0768	Nguyễn Thị Diễm Thúy	15/02/1994	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	27			27	Không đạt
68	0766	Nguyễn Thủy Thu Thơm	05/12/1991	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	24			24	Không đạt
69	0761	Nguyễn Nhật Huy	29/10/1992	Quảng Nam	Thư viện viên hạng IV	17			17	Không đạt
70	0734	Trần Anh Thơ	08/02/1992	Quảng Nam	Văn thư	82			82	Đạt
71	0732	Tán Thị Thanh	03/3/1988	Đà Nẵng	Văn thư	80			80	Đạt
72	0722	Đỗ Thị Hạnh	04/12/1987	Quảng Nam	Văn thư	77			77	Đạt
73	0730	Lê Thị Thu Sương	16/3/1988	Quảng Nam	Văn thư	77			77	Đạt
74	0737	Nguyễn Đỗ Tường Vy	24/7/1988	Quảng Nam	Văn thư	75			75	Không đạt
75	0733	Hà Thị Minh Thảo	10/10/1984	Quảng Nam	Văn thư	58		5	63	Không đạt
76	0738	Nguyễn Thị Vy	05/11/1989	Quảng Nam	Văn thư	63			63	Không đạt
77	0739	Trần Thị Như Ý	04/10/1979	Quảng Nam	Văn thư	63			63	Không đạt
78	0736	Lê Thị Vương	02/02/1984	Quảng Nam	Văn thư	51			51	Không đạt
79	0719	Võ Thị Ngọc Ánh	18/11/1992	Quảng Nam	Văn thư	50			50	Không đạt
80	0728	Trần Thị Ai Quỳnh	20/3/1988	Quảng Nam	Văn thư	50			50	Không đạt
81	0720	Đặng Thị Dung	03/11/1987	Quảng Nam	Văn thư	44			44	Không đạt
82	0731	Khưu Minh Thắng	04/4/1994	Quảng Nam	Văn thư	41			41	Không đạt
83	0735	Thái Thị Thu Trang	24/8/1989	Quảng Nam	Văn thư	40			40	Không đạt
84	0740	Phạm Thị Yên	03/8/1990	Quảng Nam	Văn thư	35			35	Không đạt
85	0726	Phạm Thị Thanh Hương	14/02/1988	Quảng Nam	Văn thư	34			34	Không đạt
86	0723	Đặng Thị Hồng	10/10/1984	Quảng Nam	Văn thư	32			32	Không đạt
87	0725	Nguyễn Thị Kiều Hưng	08/02/1994	Quảng Nam	Văn thư	28			28	Không đạt
88	0727	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	14/3/1985	Quảng Nam	Văn thư	16		5	21	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
689	0721	Nguyễn Thị Mỹ Dung	18/01/1996	Quảng Nam	Văn thư	19			19	Không đạt
690	0724	Phạm Thị Xuân Huệ	20/3/1984	Quảng Nam	Văn thư				0	Không đạt
691	0900	Huỳnh Thị Yến	13/5/1994	Quảng Nam	Y tế	91			91	Đạt
692	0890	Lê Thị Thảo	25/11/1994	Quảng Nam	Y tế	90			90	Đạt
693	0870	Trương Thị Hà	28/4/1992	Quảng Nam	Y tế	88			88	Đạt
694	0871	Lê Thị Hà	12/10/1985	Quảng Nam	Y tế	87			87	Đạt
695	0883	Đặng Thị Lê Ngân	16/10/1991	Quảng Nam	Y tế	85			85	Đạt
696	0872	Nguyễn Thị Kim Hà	11/01/1982	Quảng Nam	Y tế	83			83	Đạt
697	0877	Võ Văn Hòa	19/10/1995	Quảng Nam	Y tế	82			82	Đạt
698	0876	Lưu Văn Hiệu	28/7/1990	Quảng Nam	Y tế	80			80	Đạt
699	0892	Lê Thị Thương	09/8/1995	Quảng Nam	Y tế	80			80	Đạt
700	0899	Phan Tường Vy	08/10/1990	Quảng Nam	Y tế	80			80	Đạt
701	0866	Thân Ngọc Cường	05/4/1994	Quảng Nam	Y tế	78			78	Đạt
702	0880	Trương Thị Luyến	06/8/1990	Quảng Nam	Y tế	73			73	Đạt
703	0888	Nguyễn Thị Phương Thảo	14/02/1993	Quảng Nam	Y tế	77			77	Đạt
704	0873	Huỳnh Thị Hải	19/3/1991	Quảng Nam	Y tế	76			76	Đạt
705	0894	Lương Thị Thùy	20/01/1993	Quảng Nam	Y tế	76			76	Đạt
706	0887	Trịnh Huỳnh Hoàng Thanh	31/7/1995	Quảng Nam	Y tế	75			75	Đạt
707	0893	Từ Thị Ngọc Thúy	27/9/1991	Quảng Nam	Y tế	75			75	Đạt
708	0879	Thân Thị Liên	30/6/1992	Quảng Nam	Y tế	74			74	Đạt
709	0874	Nguyễn Thị Hiền	04/12/1990	Quảng Nam	Y tế	72			72	Đạt
710	0889	Trần Thị Cẩm Thảo	11/8/1994	Quảng Nam	Y tế	70			70	Đạt
711	0881	Lê Thị Mỹ My	06/10/1992	Quảng Nam	Y tế	68	68		68	Không đạt
712	0885	Nguyễn Văn Quý	13/5/1985	Quảng Nam	Y tế	68			68	Không đạt
713	0891	Phan Thị Thương	30/11/1990	Quảng Nam	Y tế	62	62.7	5	67.7	Không đạt
714	0875	Chung Thị Thu Hiền	20/7/1994	Quảng Nam	Y tế	66			66	Không đạt
715	0878	Hồ Thị Xuân Huệ	19/4/1996	Quảng Nam	Y tế	58			58	Không đạt
716	0864	Tăng Tấn Bảo	03/10/1994	Quảng Nam	Y tế	57			57	Không đạt
717	0867	Lê Thị Thùy Dung	24/02/1989	Quảng Nam	Y tế	55			55	Không đạt

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Quê quán	Vị trí tuyển dụng	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Kết quả
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	11
18	0897	Hà Phước Việt	23/02/1986	Quảng Nam	Y tế	50			50	Không đạt
19	0865	A Viêt Thị Bích	10/5/1991	Thừa Thiên Huế	Y tế	35		5	40	Không đạt
20	0869	Trương Thị Kim Giảng	22/12/1987	Quảng Nam	Y tế	40			40	Không đạt
21	0898	Huỳnh Đức Vương	20/12/1997	Quảng Nam	Y tế	30			30	Không đạt

(Danh sách có 721 thí sinh)

Điện Bàn, ngày 14 tháng 12 năm 2021